TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2018.
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Ông Phạm Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thiên Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Tấn S, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Tấn S trình bày:

Anh S và chị M chung sống vợ chồng với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn từ năm 2012 tại UBND xã P, huyện Đ. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị M thường xuyên đi chơi không quan tâm đến gia đình, anh đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Sau đó thì chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Ngoài ra chị M là người nghiện ma túy đã bị đưa đi cai nghiện một thời gian nay vẫn chứng nào tật nấy không thay

đổi. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M đều vắng mặt và không có ý kiền phản hồi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Vê nội dung vụ án, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh S, chị M không còn chung sống từ năm 2014 không có gặp nhau để hàn gắn quan hệ, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh sanh với chị M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng chị M đều vắng mặt không có lý do, anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh S và chị M tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ nên hôn nhân giữa anh S và chị M là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh S cho rằng chị M thường xuyên đi chơi không quan tâm gì đến gia đình và đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 và vợ chồng sống ly thân tới nay không có gặp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, chị M còn là người nghiện ma túy đã được đưa đi chữa bệnh nhưng vẫn không thay đổi, nhận thấy không còn tình cảm và không thể chung sống với chị M nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị M. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của chị M, xác định chị M vẫn sinh sống tại địa chỉ ấp P, xã P, vợ chồng anh S chị M đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay. Ngoài ra, bà Phạm Thị A là mẹ của chị M cũng xác nhận anh S và chị M không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay và sau thời gian chị M bị đưa đi cai nghiện về thì cả hai cũng không quay lại chung sống với nhau. Xét thấy, lời khai của anh S phù hợp với nội dung Tòa án đã xác minh và lời khai của người làm chứng nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị M là có thật và cả hai đã có thời gian dài sống ly thân với nhau. Do đó, anh S yêu cầu được ly hôn với chị M là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh S xác nhận không có nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S xác nhận không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Anh S phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Tấn S được ly hôn với chị Lê Thị M.

2. Về con chung: Anh S xác nhận không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S xác nhận không có nên không xét đến.

4. Về án phí: Anh S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009765 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Long Điền;
- Chi cục THADS H. Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC